

Đại Thi Hào Nguyễn Du

Lê khắc Thí

*"Bách tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như"*



Đại Thi Hào Nguyễn Du, tự Tố Như, ưu tư, không biết ba trăm năm về sau thiên hạ còn ai khóc Tố Như. Xin thưa là còn và còn rất nhiều người tưởng nhớ đến Nguyễn Du tác giả của Truyện Kiều, một tác phẩm thơ văn tuyệt tác được dịch ra hàng chục ngoại ngữ, phổ biến nhiều nơi trên thế giới. Văn đàn và Đại Thi Hào Nguyễn Du được xếp ngang hàng với các thi hào bậc nhất quốc tế.

Truyện Kiều với 3256 câu thơ tuyệt diệu theo thể thơ lục bát, tả cảnh, tả người, tả nhiều khía cạnh của xã hội thời bấy giờ, lồng vào trong câu chuyện thương tâm của nàng Kiều làm cho người đọc say mê từ đầu tới cuối.

Đánh giá văn chương truyện Kiều, học giả Phạm Quỳnh viết: "Truyện Kiều còn, Tiếng Việt còn" Thật vậy Truyện Kiều đã thể hiện được vị trí ấy trên Lá Thư AHCC gần đây, tôi có viết về Đại Văn Hào La Fontaine của nước Pháp, hôm nay tôi xin viết về đại thi hào Nguyễn Du, ghi sơ lược tiểu sử của nhà thơ và sự nghiệp văn chương của Ông để chúng ta không quên (còn khóc) nhà Đại thi hào Việt Nam. Và như thế để tránh một thiếu sót lớn về phần tôi: Viết về La Fontaine mà không nói đến Nguyễn Du.

Nguyễn Du, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên và Hồng Sơn hiệp hộ, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là con thứ bảy của Quận Công Nguyễn Nghiễm, nên

thường gọi là Chiêu Bầy. Bà thân sinh ra ông là vợ thứ tên Trần Thị Tần.

Nguyễn Du sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu, tức là ngày mùng 3 tháng giêng năm 1766 và mất ngày mùng 10 tháng tám năm Canh Thìn (16-9-1820) thọ 56 tuổi. Năm Quý Mão (1783) ông đi thi Hương đậu tam trường ở trường Thăng Long. Sau đó Nguyễn Nghiễm cho ông làm con nuôi một vị quan võ họ Hà ở Thái Nguyên, vị này không có con trai. Khi cha nuôi mất ông thế chức làm Chánh thủ hiệu, quận Hùng Hậu, trấn Thái Nguyên. Năm Kỷ Dậu (1789) vua Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, ông đi theo không kịp, trốn về quê vợ ở nhà Đoàn Nguyễn Thục, có ý định tập hợp hào mục chống lại Tây Sơn nhưng việc không thành, ông trở về quê nhà, tự hiệu là Hồng Sơn hiệp hộ và Nam hải điều đồ, sống trong sự thiếu thốn túng bần.

Năm Bính Thìn (1796) ông sắp vào Gia Định thì bị trấn tướng Tây Sơn bắt giam, sau được thả về. Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long kéo quân ra Bắc, tới Nghệ An, ông ra đón và được phép đem thủ hạ theo ra Thăng Long - Ông được bổ làm tri huyện rồi thăng tri phủ Thường Tín. Năm Quý Hợi (1803) ông được cử cùng các vị khác đi nghênh tiếp sứ nhà Thanh ở Nam Quan. Năm Ất Sửu (1805) được thăng Đông Các đại học sĩ, năm Quý Dậu (1813) được thăng Cần Chánh điện đại học sĩ và được cử sung chánh sứ sang triều Thanh, khi về được thăng Lễ bộ hữu tham tri. Năm 1820 (Minh Mạng năm thứ nhất) lại được cử làm sứ sang triều Thanh cầu phong nhưng chưa kịp thì bị bệnh và mất tại Huế.

Nguyễn Du là người có văn tài, học rộng, đã làm quan dưới triều Lê, sau làm quan dưới triều Nguyễn nên lúc đầu tinh thần không ổn định, ông cứ "vâng vâng dạ dạ thôi". Mãi sau

được làm quan to và ủy nhiệm sang sứ triều Thanh. Ông để lại tác phẩm nổi tiếng Truyện Thúy Kiều (sau đổi là Đoạn trường tân thanh) rất giàu tính chất hiện thực và nhân đạo.

Tác phẩm của Nguyễn Du gồm có:

- Bắc Kinh thi tập (văn)
- Nam trung tạp ngâm (văn)
- Truyện Thúy Kiều (Kim Vân Kiều- nô-m)
- Thanh hiên tiên hậu tập (văn)
- Văn tế thập loại chúng sinh (văn)

Để suy ngẫm về triết lý và thưởng thức văn chương Truyện Kiều, xin trích một vài đoạn để ngâm nga cho vui.

Đoạn mở đầu:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau
đớn lòng.
Lạ gì bi sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng
đánh ghen.*



Đoạn kết:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài,
Lời quê chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh (câu
3256).*

Một đoạn tả cảnh chiều hôm, Thúy Kiều nhớ nhà:

*Buồn trông cửa biển chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trời man mác biết là về đâu.
Buồn trông ngọn cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghènh,
Ầm ầm tiếng sóng xung quanh ghé ngòi...*

Nguyễn Du tả cảnh nhưng cũng lồng vào tâm sự của nàng Kiều: "Hoa trôi man mác biết là về đâu" thật bóng bẩy, tâm tình (thân phận mình không biết trôi về đâu).

Đoạn kết tác giả hướng ta về triết lý Phật Giáo, cuộc đời của mình là do nghiệp mình tạo ra:

*"Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*



Kiếp Hoa

*Trước Tết, Mai là hoa, được nâng niu,
Sau Tết, Mai là củi, bị hất hủi.
Nâng niu, Mai không mừng,
Hất hủi, Mai không tủi.
Đời hoa sớm nở
Kiếp hoa tối tàn ...*

Người Pháp cũng có câu: "Et rose elle a vecu ce que vivent les roses, l'espace d'un matin" (Lamartine ?)

Lê khắc Thi